

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2025/HSST**
Ngày: 11/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bá Đức.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Bằng.
2. Ông Nguyễn Trung Chính.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai:* Ông Phạm Ngọc Lương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 347/2024/HSST ngày 20 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/HSST-QĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2025/HSST-QĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Bùi Văn Th, sinh năm 2001 tại Ninh Bình; số căn cước: 037201000988; nơi thường trú: Thôn 1 Vân Trình, xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Khu phố 4C, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H, sinh năm 1970 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1973; có vợ tên: Nguyễn Thị H1, sinh năm 2004 (Không đăng ký kết hôn) và có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 03/9/2024 đến ngày 04/9/2024 bị cáo được trả tự do; bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 06/9/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

2/ Họ và tên: Trần Văn Kh, sinh năm 1997 tại Ninh Bình; số căn cước: 037097000881; nơi thường trú: Thôn 1 Vân Trình, xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H2, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự:

Không; nhân thân: 01 (Bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” tại Bản án số: 24/2021/HSST ngày 30/11/2021); bị cáo bị bắt quả tang ngày 03/9/2024 đến ngày 04/9/2024 bị cáo được trả tự do; bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 06/9/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

3/ Họ và tên: Đinh Văn H3, sinh năm 1996 tại Ninh Bình; số căn cước: 037096010133; nơi thường trú: Thôn 4 Vân Trình, xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn C (Đã chết) và bà Đinh Thị O, sinh năm 1971; có vợ tên: Trần Thị Tuyết M1, sinh năm 2001 (Đã ly hôn) và có 02 con (Con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 03/9/2024 đến ngày 04/9/2024 bị cáo được trả tự do; bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 06/9/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Thái Hoàng A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: tổ 6, khu phố 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

2/ Bà Tống Thị Thùy Tr, sinh năm 1984.

Địa chỉ: tổ 4, ấp Tân Đạt, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

3/ Bà Tống Thượng Minh Đ, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký thường trú: Số 15, đường 35, khu phố 2, phường Linh Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Số 34 đường Bắc Sơn – Long Thành, ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

4/ Ông Chu Hoàng D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 47/29, tổ 15C, khu phố 2, phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

5/ Ông Nguyễn Lê V, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số 141 tổ 3, Khu phố 1, phường An Hòa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

6/ Ông Trần Mậu Minh P, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

7/ Bà Chu Thị Th1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố Tân Cang, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

8/ Bà Nguyễn Thị Thu Th2, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Đường 9, Ấp Tân Bình, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

9/ Bà Đặng Diễm Tr1, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký thường trú: Số 236A, khu phố 2, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nơi tạm trú: Số 66/64, khu phố 10, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

10/ Ông Lê Minh Q, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Khu phố Bình Phước A, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nơi ở hiện nay: Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

11/ Ông Đặng Văn L2, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Lợi A, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi ở hiện nay: Ấp 3, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

12/ Ông Huỳnh K1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu phố Vạn Phước, phường Xuân Thành, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Nơi ở hiện nay: Khu phố 4, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

13/ Bà Trần Mỹ L3, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số 27, Khu phố 10, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

14/ Ông Vũ Văn M2, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 123/5, khu phố 1, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

15/ Ông Đinh Văn V1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/9/2024, Công an huyện Trảng Bom tiến hành kiểm tra căn nhà không số thuộc ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom do Nguyễn Văn C5 sinh sống và quản lý. Tại thời điểm kiểm tra phát hiện 09 đối tượng gồm: Nguyễn Văn C5, Đinh Trọng Đ2, Bùi Văn Th, Đinh Văn H3, Trần Văn Kh, Đinh Trung K2, Trần Thị N2, Phan Thị Bích L3, Nguyễn Thị H4, đồng thời phát hiện và thu giữ: 03 (ba) gói nylon chứa chất màu trắng nghi là ma túy; 01 (một) loa nghe nhạc màu đen; 02 (hai) đèn chiếu laser; 06 điện thoại di động.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định Khởi tố vụ án, Khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn C5 để điều tra về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi của Đinh Trọng Đ2, Đinh Trung K2, Trần Thị N2, Nguyễn Thị H4 và Phạm Thị Bích L3 chưa cấu thành tội phạm trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trả tự do.

Quá trình điều tra xác định: Bùi Văn Th, Trần Văn Kh, Đinh Văn H3 có hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như sau:

Từ đầu năm 2024, Bùi Văn Th nảy sinh ý định cho một số người có nhu cầu vay tiền lấy lãi trên địa bàn huyện Trảng Bom và thành phố Biên Hòa. Để bắt đầu hoạt động cho vay, Th phát tờ rơi quảng cáo và dán số điện thoại của Th trên các cột điện để người cần vay tiền liên hệ. Khi có người vay tiền thì Th sẽ gặp, trao đổi cách Th vay tiền. Số tiền mỗi lần Th cho vay từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 25 ngày hoặc 30 ngày, tương ứng với lãi suất 365%/năm hoặc 380%/năm. Th chuyển khoản số tiền vay cho khách bằng số tài khoản số 5511072001 ngân hàng VP bank tên BUI VAN THUC hoặc trả tiền mặt trực tiếp, không có hợp đồng vay mượn, chỉ thỏa thuận miệng về lãi suất. Đến khoảng tháng 05/2024, có Trần Văn Kh và Đinh Văn H3 cùng hỗ trợ Th trong việc cho vay và thu tiền. Th là người cung cấp tiền, quản lý hoạt động cho vay, khi có người có nhu cầu vay thì H3, Kh sẽ đến kiểm tra nơi ở, nơi làm việc của người vay nếu có đủ điều kiện thì cho vay. Khi người vay trả nợ không đủ, không đúng hạn thì H3, Kh sẽ gọi điện, nhắn tin liên lạc yêu cầu người vay tiền trả nợ, khi người vay tiếp tục không trả thì H3, Kh sẽ đi tìm gặp trực tiếp người vay tiền để yêu cầu trả nợ. Th, Kh, H3 thỏa thuận đối với số tiền gốc Th bỏ ra cho vay thì Th sẽ thu lại, sau khi trừ chi phí sinh hoạt, đi lại phục vụ việc cho vay thì cuối năm sẽ chia làm 03 phần bằng nhau, mỗi người hưởng một phần. Nếu Kh, H3 cần tiền giải quyết công việc cá nhân thì Th sẽ cho ứng trước khoảng 5.000.000 đến 6.000.000 đồng/tháng.

Ngày 13/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra Quyết định khởi tố vụ án, ra Quyết định khởi tố bị can đối với Bùi Văn Th, Trần Văn Kh, Đinh Văn H3 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra các bị can đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

01. Người thứ 1: Vào ngày 22/7/2024 và ngày 14/8/2024, Th cho anh Thái Hoàng A, sinh năm: 1990, HKTT; khu phố 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng

Bom vay 02 lần, mỗi lần số tiền 6.000.000 đồng (tổng số tiền vay 02 lần là 12.000.000 đồng) với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền là 250.000 đồng, cùng lãi suất là 380%/năm, trả liên tục trong vòng 32 ngày/01 lần vay, khi cho vay Th lấy phí vay cả 02 lần là 600.000 đồng (mỗi lần là 300.000 đồng). Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho anh Ân vay tổng số tiền 12.000.000 đồng, Th thu được số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 3.850.017 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 170.976 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm + phí vay) là 3.679.041 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, anh Ân còn nợ Th số tiền gốc là 3.000.000 đồng.

2. Người thứ 2: Vào ngày 23/7/2024, ngày 03/08/2024 và ngày 17/8/2024, Th cho chị Tống Thị Thùy Tr, sinh năm: 1984, HKTT: ấp Tân Đạt, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom vay 03 lần, mỗi lần số tiền 20.000.000 đồng (tổng số tiền vay 03 lần là 60.000.000 đồng) với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền là 1.000.000 đồng, cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày/01 lần vay, khi cho vay Th lấy phí vay mỗi lần là số tiền 1.000.000 đồng (tổng 03 lần là 3.000.000 đồng). Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho chị Trang vay tổng số tiền 60.000.000 đồng, Th thu được số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 16.600.007 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 745.212 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm + phí vay) là 15.854.795 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, chị Trang còn nợ Th số tiền gốc là 7.000.000 đồng.

3. Người thứ 3: Vào ngày 01/9/2024, Th cho anh Tống Thượng Minh Đ, sinh năm: 1992, HKTT: khu phố 2, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, hiện ngụ tại: ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền là 250.000 đồng cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày, khi cho vay Th lấy phí vay là 250.000 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho anh Đức vay tổng số tiền 5.000.000 đồng, Th thu được số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 400.001 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 8.220 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm + phí vay) là 391.781 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, anh Đức còn nợ Th số tiền gốc là 5.500.000 đồng.

4. Người thứ 4: Vào ngày 25/6/2024, ngày 20/7/2024 và ngày 14/8/2024, Th cho anh Chu Hoàng D, sinh năm 1992, HKTT: khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai vay 03 lần, mỗi lần số tiền 10.000.000 đồng (tổng số tiền vay 03 lần là 30.000.000 đồng) với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền là 500.000 đồng cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày/01 lần vay, khi cho vay Th lấy phí vay mỗi lần là số tiền 500.000 đồng (tổng 03 lần là 1.500.000 đồng). Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho anh Diệu vay tổng số tiền 30.000.000 đồng, Th thu được số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 8.599.968 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 389.009 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm + phí vay) là 8.210.959 đồng. Tính đến ngày

03/9/2024, anh Diệu còn nợ Th số tiền gốc là 2.000.000 đồng.

5. Người thứ 5: Vào ngày 26/8/2024, Th cho anh Nguyễn Lê V, sinh năm 1999, HKTT: khu phố 1, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền là 250.000 đồng cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày, khi cho vay Th lấy phí vay là 250.000 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho anh Vương vay tổng số tiền 5.000.000 đồng, Th thu được số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 650.002 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 21.920 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm + phí vay) là 628.82 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, anh Vương còn nợ Th số tiền gốc là 4.250.000 đồng.

6. Người thứ 6: Vào ngày 18/02/2024, ngày 14/03/2024 và ngày 08/4/2024, Th cho anh Trần Mậu Minh P, sinh năm 1994, HKTT: ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai vay 03 lần, mỗi lần số tiền 8.000.000 đồng (tổng số tiền vay 03 lần là 24.000.000 đồng) với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền là 400.000 đồng cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày/01 lần vay, khi cho vay Th không lấy phí vay. Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho anh Phương vay tổng số tiền 24.000.000 đồng, Th thu được số tiền lãi là 6.000.033 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 328.800 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm) là 5.671.233 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, anh Phương không còn nợ Th.

7. Người thứ 7: Vào ngày 18/7/2024, ngày 01/8/2024 và ngày 15/8/2024, Th cho chị Chu Thị Th1, sinh năm 1982, HKTT: Khu phố Tân Cang, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vay 03 lần, mỗi lần số tiền 50.000.000 đồng (tổng số tiền vay 03 lần là 150.000.000 đồng) với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền là 2.500.000 đồng cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày/01 lần vay, khi cho vay Th lấy phí vay mỗi lần là số tiền 2.500.000 đồng (tổng 03 lần là 7.500.000 đồng). Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho chị Thủy vay tổng số tiền 150.000.000 đồng, Th thu được số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 42.499.982 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 1.917.790 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm + phí vay) là 40.582.192 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, chị Thủy còn nợ Th số tiền gốc là 12.500.000 đồng.

8. Người thứ 8: Vào ngày 02/4/2024, Th cho chị Nguyễn Thị Thu Th2, sinh năm 1991, HKTT: ấp Tân Bình, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom vay 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền là 500.000 đồng cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày, khi cho vay Th không lấy phí vay. Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho chị Thảo vay tổng số tiền 10.000.000 đồng, Th thu được số tiền lãi là 2.500.115 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 136.975 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm) là

2.363.140 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, chị Thảo không còn nợ Th.

9. Người thứ 9: Vào các ngày 17/7/2024, ngày 28/7/2024, ngày 08/8/2024, ngày 17/8/2024, ngày 20/8/2024 và ngày 29/8/2024, Th cho chị Đặng Diễm Tr1, sinh năm 1990, HKTT: khu phố 2, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vay 06 lần, mỗi lần số tiền 6.000.000 đồng (tổng số tiền vay 06 lần là 36.000.000 đồng) với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền là 300.000 đồng cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày/01 lần vay, khi cho vay Th lấy phí vay mỗi lần là số tiền 300.000 đồng (tổng 06 lần là 1.800.000 đồng). Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho chị Trinh vay tổng số tiền 36.000.000 đồng, Th thu được số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 9.660.043 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 430.728 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm + phí vay) là 9.229.315 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, chị Trinh còn nợ Th số tiền gốc là 5.700.000 đồng.

10. Người thứ 10: Vào ngày 25/6/2024, ngày 29/7/2024 và ngày 30/8/2024, Th cho anh Lê Minh Q, sinh năm 2003, HKTT: khu phố Bình Phước A, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương vay 03 lần (lần thứ nhất số tiền 5.000.000 đồng, lần thứ 2 số tiền 6.000.000 đồng, lần thứ 3 số tiền 4.000.000 đồng), tổng số tiền vay 03 lần là 15.000.000 đồng) với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền từ 250.000 đồng – 300.000 đồng cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày/01 lần vay, khi cho vay Th lấy phí vay 03 lần là số tiền 750.000 đồng ((lần thứ nhất số tiền 250.000 đồng, lần thứ 2 số tiền 300.000 đồng, lần thứ 3 số tiền 200.000 đồng). Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho anh Quân vay tổng số tiền 15.000.000 đồng, Th thu được số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 3.700.016 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 161.660 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm + phí vay) là 3.538.356 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, anh Quân còn nợ Th số tiền gốc là 4.000.000 đồng.

11. Người thứ 11: Vào các ngày 02/8/2024 và ngày 23/8/2024, Th cho anh Đặng Văn L2, sinh năm 1982, HKTT: ấp Mỹ Lợi A, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng vay 02 lần, mỗi lần số tiền 5.000.000 đồng (tổng số tiền vay 02 lần là 10.000.000 đồng) với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền là 250.000 đồng cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày/01 lần vay, khi cho vay Th lấy phí vay mỗi lần là số tiền 250.000 đồng (tổng 02 lần là 500.000 đồng). Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho anh Liêm vay tổng số tiền 10.000.000 đồng, Th thu được số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 2.350.010 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 101.380 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm + phí vay) là 2.248.630 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, anh Liêm còn nợ Th số tiền gốc là 3.250.000 đồng.

12. Người thứ 12: Vào ngày 08/7/2024, ngày 05/8/2024, ngày 19/8/2024 và ngày 31/8/2024, Th cho anh Huỳnh K1, sinh năm 1991, HKTT: khu phố Vạn Phước, phường Xuân Thành, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên vay 04 lần (lần thứ

nhất số tiền 10.000.000 đồng, lần thứ 2 số tiền 10.000.000 đồng, lần thứ 3 số tiền 15.000.000 đồng, lần thứ 4 số tiền 15.000.000 đồng), tổng số tiền vay 04 lần là 50.000.000 đồng, với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền từ 500.000 đồng – 750.000 đồng cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày/01 lần vay, khi cho vay Th lấy phí vay 04 lần là số tiền 2.500.000 đồng (lần thứ nhất số tiền 500.000 đồng, lần thứ 2 số tiền 500.000 đồng, lần thứ 3 số tiền 750.000 đồng, lần thứ 4 số tiền 750.000 đồng). Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho anh Kiệt vay tổng số tiền 50.000.000 đồng, Th thu được số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 11.849.973 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 512.301 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm + phí vay) là 11.337.672 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, anh Kiệt còn nợ Th số tiền gốc là 15.750.000 đồng.

13. Người thứ 13: Vào ngày 13/8/2024, Th cho chị Trần Mỹ L3, sinh năm 1999, HKTT: khu phố 10, phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền là 250.000 đồng cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày, khi cho vay Th lấy phí vay là 250.000 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho chị Linh vay tổng số tiền 5.000.000 đồng, Th thu được số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 1.300.006 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 57.540 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm + phí vay) là 1.242.466 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, chị Linh còn nợ Th số tiền gốc là 1.000.000 đồng.

14. Người thứ 14: Vào các ngày 21/7/2024 và ngày 11/8/2024, Th cho anh Vũ Văn M2, sinh năm 1988, HKTT: khu phố 1, phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai vay 02 lần, mỗi lần số tiền 5.000.000 đồng (tổng số tiền vay 02 lần là 10.000.000 đồng) với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền là 250.000 đồng cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày/01 lần vay, khi cho vay Th lấy phí vay mỗi lần là số tiền 250.000 đồng (tổng 02 lần là 500.000 đồng). Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho anh Minh vay tổng số tiền 10.000.000 đồng, Th thu được số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 2.950.013 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 134.260 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm + phí vay) là 2.815.753 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, anh Minh còn nợ Th số tiền gốc là 250.000 đồng.

15. Người thứ 15: Vào các ngày 24/5/2024, ngày 15/6/2024, ngày 05/7/2024, ngày 23/7/2024 và ngày 12/8/2024, Th cho anh Đinh Văn V1, sinh năm 1981, HKTT: ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Đồng Nai vay 05 lần (mỗi lần vay số tiền 25.000.000 đồng), tổng số tiền vay 05 lần là 125.000.000 đồng, với hình Th trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày số tiền 1.250.000 đồng cùng lãi suất là 365%/năm, trả liên tục trong vòng 25 ngày/01 lần vay, khi cho vay Th lấy phí vay mỗi lần là số tiền 1.250.000 đồng (tổng phí vay 05 lần là số tiền 6.250.000 đồng). Tính đến ngày 03/9/2024, Th đã cho anh Vĩnh vay tổng số tiền 125.000.000 đồng, Th thu được số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 36.914.433 đồng, trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ

luật Dân sự (20%/năm) là 1.836.666 đồng và số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt 20%/năm + phí vay) là 35.078.767 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, anh Vĩnh còn nợ Th số tiền gốc là 3.750.000 đồng.

Tính đến ngày 03/9/2024, Bùi Văn Th, Trần Văn Kh, Đinh Văn H3 đã cho 15 người trên vay nhiều đợt với tổng số tiền 547.000.000 đồng, với lãi suất 365%/năm; 380%/năm. Th, Kh, H3 đã thu được tổng số tiền (gồm phí vay + tiền lãi) là 149.824.619 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 142.872.182 đồng và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.952.437 đồng. Tính đến ngày 03/9/2024, 13 người vay trên còn nợ Th, Kh, H3 số tiền gốc là 67.950.000 đồng.

Ngoài ra Th, Kh, H3 còn cho một số người khác vay tiền với hình Th như trên, tuy nhiên không xác định được nhân thân, lai lịch và nơi cư trú.

Vật chứng thu giữ gồm có: 03 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại hiệu iPhone 11 màu đen gắn sim số 0983650258; 01 điện thoại di động hiệu Vivo, gắn sim số 0844224789; 01 điện thoại di động hiệu iPhone 12 Promax, gắn sim số 0334139996.

Tại Cáo trạng số: 09/CT-VKS-TB ngày 16/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Bùi Văn Th, Trần Văn Kh, Đinh Văn H3 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Bùi Văn Th, Trần Văn Kh mức án từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù; xử phạt bị cáo Đinh Văn H3 mức án từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác và đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của các bị cáo phù hợp

với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã đủ căn cứ để kết luận: Từ đầu năm 2024 đến ngày 03/9/2024 tại khu vực huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, các bị cáo Bùi Văn Th, Trần Văn Kh và Đinh Văn H3 đã có hành vi cho 15 người vay có tổng số tiền là 547.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi bảy triệu đồng) với lãi suất từ 365 đến 380%/năm để thu lợi bất chính số tiền 142.872.182 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của các bị cáo Bùi Văn Th, Trần Văn Kh, Đinh Văn H3 đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương nên cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, nhưng chỉ dừng lại ở tính chất giản đơn. Bị cáo Th là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội, là người tổ chức cho vay, là người bỏ tiền ra cho những người khác vay nên có vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Kh và H3 là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo giúp bị cáo Th trong việc cho vay và thu tiền nên có vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo Kh đã từng bị Tòa án xét xử nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử khi lượng hình cũng cần xem xét đến các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo thể hiện sự nhân đạo của Nhà nước ta. Đối với bị cáo Th và H3 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen đã qua sử dụng, đã cũ, màn hình bị bể, mặt sau bị bể nát; 01 điện thoại di động hiệu Vivo đã qua sử dụng, đã cũ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax đã qua sử dụng, màn hình bị bể, đã cũ là công cụ phương tiện cáo bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Số tiền sử dụng vào việc phạm tội là 553.952.437 đồng nhưng 13 người vay còn nợ lại bị cáo Th nên buộc bị cáo Th phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền sử dụng vào việc phạm tội là 553.952.437 đồng – 67.950.000 đồng = 486.002.437 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Thái Hoàng A số tiền 3.679.041 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Tống Thị Thùy Tr số tiền 15.854.795 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Tổng Thượng Minh Đ số tiền 391781 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Chu Hoàng D số tiền 8.210.959 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Lê V số tiền 628.082 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Mậu Minh Vương số tiền 5.671.233 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Chu Thị Th1 số tiền 40.582.192 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu Th2 số tiền 2.363.140 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Diễm Tr1 số tiền 9.229.315 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Minh Q số tiền 3.538.356 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đặng Văn L2 số tiền 2.248.630 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh K1 số tiền 11.337.672 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Mỹ L3 số tiền 1.242.466 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Vũ Văn M2 số tiền 2.815.753 đồng.

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đinh Văn V1 số tiền 35.078.767 đồng.

Đối với số tiền 67.950.000 đồng tiền gốc 13 người vay đang nợ bị cáo Th là tiền sử dụng vào việc phạm tội nên buộc 13 người vay phải nộp sung quỹ nhà nước. Cụ thể, buộc ông Thái Hoàng A phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 3.000.000 đồng; buộc bà Tống Thị Thùy Tr phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 7.000.000 đồng; buộc ông Tổng Thượng Minh Đ phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 5.500.000 đồng; buộc ông Chu Hoàng D phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng; buộc ông Nguyễn Lê V phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 4.250.000 đồng; buộc bà Chu Thị Th1 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 12.500.000 đồng; buộc bà Đặng Diễm Tr1 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 5.700.000 đồng; buộc ông Lê Minh Q phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 4.000.000 đồng; buộc ông Đặng Văn L2 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 3.250.000 đồng; buộc ông Huỳnh K1 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 15.750.000 đồng; buộc bà Trần Mỹ L3 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng; buộc ông Vũ Văn M2 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền

250.000 đồng; buộc ông Đinh Văn V1 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 3.750.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 03 sim điện thoại có số seri: 89840 480000 91272 0553, số seri: 8401 2310 5010 7279 và số seri: 8984 04800 00558 95774.

[6]. Đối với vụ án “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” xảy ra ngày 03/9/2024 tại ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn C5 để tiếp tục tiến hành các biện pháp điều tra làm rõ.

Đối với hành vi của các bị cáo Bùi Văn Th, Trần Văn Kh, Đinh Văn H3 cho một số người khác vay tiền mà không biết nhân thân, lai lịch, không còn thông tin liên hệ, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn Th mức án 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2024 nhưng được trừ đi thời hạn giam giữ trước đó (Từ ngày 03/9/2024 đến ngày 04/9/2024).

2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn Kh phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Kh mức án 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2024 nhưng được trừ đi thời hạn giam giữ trước đó (Từ ngày 03/9/2024 đến ngày 04/9/2024)

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Tuyên bố bị cáo Đinh Văn H3 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn H3 mức án 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2024 nhưng được trừ đi thời hạn giam giữ trước đó (Từ ngày 03/9/2024 đến ngày 04/9/2024)

4 Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen đã qua sử dụng, đã cũ, màn hình bị bể, mặt sau bị bể nát; 01 điện thoại di động hiệu Vivo đã qua sử dụng, đã cũ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax đã qua sử dụng, màn hình bị bể, đã cũ.

(Hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom).

- Buộc bị cáo Th phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền sử dụng vào việc phạm tội là 486.002.437 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu triệu không trăm lẻ hai ngàn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Thái Hoàng A số tiền 3.679.041 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn không trăm bốn mươi một đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho ông Thái Hoàng A số tiền 1.226.347 đồng (Một triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn ba trăm bốn mươi bảy đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Tổng Thị Thùy Tr số tiền 15.854.795 đồng (Mười lăm triệu tám trăm năm mươi tư ngàn bảy trăm chín mươi lăm đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho bà Tổng Thị Thùy Tr số tiền 5.284.932 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi hai đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Tống Thượng Minh Đ số tiền 391.781 đồng (Ba trăm chín mươi một ngàn bảy trăm tám mươi một đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho ông Tống Thượng Minh Đ số tiền 130.594 đồng (Một trăm ba mươi ngàn năm trăm chín mươi tư đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Chu Hoàng D số tiền 8.210.959 đồng (Tám triệu hai trăm mười ngàn chín trăm năm mươi chín đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho ông Chu Hoàng D số tiền 2.736.986 đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Lê V số tiền 628.082 đồng (Sáu trăm hai mươi tám ngàn không trăm tám mươi hai đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho ông Nguyễn Lê V số tiền 209.361 đồng (Hai trăm lẻ chín ngàn ba trăm sáu mươi một đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Mậu Minh Vương số tiền 5.671.233 đồng (Năm triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn hai trăm ba mươi ba đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho ông Trần Mậu Minh Vương số tiền 1.890.411 đồng (Một triệu tám trăm chín mươi ngàn bốn trăm mười một đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Chu Thị Th1 số tiền 40.582.192 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm tám mươi hai ngàn một trăm chín mươi hai đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho bà Chu Thị Th1 số

tiền 13.527.397 đồng (Mười ba triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi bảy đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu Th2 số tiền 2.363.140 đồng (Hai triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn một trăm bốn mươi đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu Th2 số tiền 787.713 đồng (Bảy trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm mười ba đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Diễm Tr1 số tiền 9.229.315 đồng (Chín triệu hai trăm hai mươi chín ngàn ba trăm mười lăm đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho bà Đặng Diễm Tr1 số tiền 3.076.438 đồng (Ba triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi tám đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Minh Q số tiền 3.538.356 đồng (Ba triệu năm trăm ba mươi tám ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho ông Lê Minh Q số tiền 1.179.452 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi hai đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đặng Văn L2 số tiền 2.248.630 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho ông Đặng Văn L2 số tiền 749.543 đồng (Bảy trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh K1 số tiền 11.337.672 đồng (Mười một triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi hai đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho ông Huỳnh K1 số tiền 3.779.224 đồng (Ba triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm hai mươi bốn đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Mỹ L3 số tiền 1.242.466 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho bà Trần Mỹ L3 số tiền 414.155 đồng (Bốn trăm mười bốn ngàn một trăm năm mươi lăm đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Vũ Văn M2 số tiền 2.815.753 đồng (Hai triệu tám trăm mười lăm ngàn bảy trăm năm mươi ba đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho ông Vũ Văn M2 số tiền 936.918 đồng (Chín trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm mười tám đồng).

- Buộc các bị cáo Th, Kh, H3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đinh Văn V1 số tiền 35.078.767 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm bảy mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải trả cho ông Đinh Văn V1 số tiền 11.692.922 đồng (Mười một triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn chín trăm hai mươi hai đồng).

- Buộc ông Thái Hoàng A phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); buộc bà Tông Thị Thùy Tr phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); buộc ông Tông Thượng Minh Đ phải

nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng); buộc ông Chu Hoàng D phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); buộc ông Nguyễn Lê V phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng); buộc bà Chu Thị Th1 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng); buộc bà Đặng Diễm Tr1 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm ngàn đồng); buộc ông Lê Minh Q phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); buộc ông Đặng Văn L2 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng); buộc ông Huỳnh K1 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 15.750.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng); buộc bà Trần Mỹ L3 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); buộc ông Vũ Văn M2 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi ngàn đồng); buộc ông Đinh Văn V1 phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

5. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Buộc các bị cáo Bùi Văn Th, Trần Văn Kh, Đinh Văn H3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Đức